

**QUYẾT ĐỊNH**  
**PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**Yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông Nguyễn Lê Huy.

**Các Thẩm phán:** Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Ông Võ Ngọc Giàu.

**Thư ký phiên họp:** Ông Nguyễn Duy Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:**  
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 148/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định quyền sử hữu của người có nghĩa vụ thi hành án trong khối tài sản chung”.

Do Quyết định số 101/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 608/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Nguyễn Xuân T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Xuân T:** Nguyễn Minh T1, sinh năm 1979 (theo Giấy ủy quyền ngày 24/9/2022).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Lê Đăng K, sinh năm 1984;

2. Lê Đăng T2, sinh năm 1966;

3. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: số A ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Lê Thị Kim T3, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số A, Ô, Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đăng T2 và Nguyễn Thị Kim H:* Ông Võ Trọng K1, Luật sư Chi nhánh Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đăng T2 và Nguyễn Thị Kim H.

(Đương sự Lê Đăng T2, Nguyễn Thị Kim H, Luật sư Võ Trọng K1 có mặt; Nguyễn Minh T1 có đơn xin vắng mặt; Lê Đăng K, Lê Thị Kim T3 vắng mặt).

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

#### ***Theo quyết định sơ thẩm:***

\* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Nguyễn Xuân T trình bày:*

Anh có khởi kiện anh Lê Đăng K yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vốn vay là 725.000.000 đồng và tiền lãi là 72.210.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã xét xử, Bản án số 01/2022/DSST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo buộc anh K có nghĩa vụ trả cho anh tổng số tiền vốn, lãi là 797.210.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngày 13/9/2022, anh nhận được Thông báo về việc yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án số 682/TB-CCTHADS ngày 12/9/2022 cùng với những người được thi hành án khác gồm Võ Đoàn V, Ngô Văn N, Tăng Hoàng T4. Theo thông báo thì anh Lê Đăng K có quyền sử dụng đất chung hộ với ông Lê Đăng T2, bà Nguyễn Thị Kim H đối với tổng diện tích đất 11.201m<sup>2</sup>, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 38, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00616 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H ngày 04/12/2009.

Nay anh T yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của anh Lê Đăng K trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên để làm cơ sở thi hành án cho anh.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đăng T2, Nguyễn Thị Kim H, Lê Thị Kim T3 thống nhất trình bày:*

Ông T2 và bà H có 02 con chung tên Lê Đăng K và Lê Thị Kim T3. Vợ chồng ông được cha mẹ ruột của ông là ông Lê Đăng H1, sinh năm 1927 (đã mất năm 1996) và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1930 (đã mất năm 2022) để lại phần đất diện tích 11.202m<sup>2</sup>, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang để canh tác và nuôi sống các thành viên trong hộ gia đình. Nguồn gốc đất trước đây là của cha mẹ ông gầy dựng có được và cho lại vợ chồng ông.

Từ khi được cha mẹ cho đất, vợ chồng ông đã vất vả, tu bổ, trồng trọt để có điều kiện nuôi hai con và gia đình, vì các con lúc đó còn nhỏ, đến năm 2009 vợ

chồng ông được cấp quyền sở hữu thửa đất trên đất cho đến nay. Phần đất trên vợ chồng ông tiếp nhận từ cha mẹ, không bỏ tiền mua mà chỉ có công quản lý và sử dụng, còn các con tên K và T3 hoàn toàn không có đóng góp tiền của hoặc công sức vào phần đất nêu trên vì còn tuổi ăn tuổi học, riêng K lúc ông được nhận đất chỉ mới 14 tuổi.

Những năm sau này K lớn lên ra ngoài xã hội mượn tiền bạc làm gì vợ chồng ông bà hoàn toàn không biết và K cũng không đem về cho gia đình đồng tiền nào. Trước đây, có lần nhiều người đến đòi tiền K, vì thương con nên vợ chồng ông bà đã thế chấp chủ quyền đất nêu trên để vay tiền Ngân hàng và vay mượn thêm để trả cho K. Đến sau này K lại tiếp tục vay mượn tiền của ai bên ngoài để làm gì vợ chồng ông bà không rõ và K cũng bỏ nhà đi đâu ông bà không biết.

Do vậy, vợ chồng ông và T3 xác định K không có tài sản trong phần đất có diện tích 11.201m<sup>2</sup> do vợ chồng ông bà đứng tên quyền sở hữu và cũng không đồng ý cho K diện tích đất nào.

\* Tại Quyết định 101/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 102, Điều 212 của Bộ luật Dân sự; Điều 20 Luật Đất đai năm 1993; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Xuân T.

Xác định anh Lê Đăng K là người có quyền sử dụng 1/5 trong tổng diện tích đất 11.201m<sup>2</sup>, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28, đất tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00616 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H ngày 04/12/2009.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về phần lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

\* Ngày 10/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ Quyết định 101/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm, xem xét không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T.

***Tại phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự:***

\* Người kháng cáo Lê Đăng T2 và Nguyễn Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

\* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đăng T2 và Nguyễn Thị Kim H phát biểu ý kiến tranh luận:

Nguồn gốc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28 tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của cụ Lê Đăng H1. Năm 1983, cụ H1 đưa thửa đất vào Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Năm 1989, Ủy ban nhân dân xã L có Quyết định số 399/QĐ ngày 01/11/1989 trả lại đất cho cụ H1. Hộ ông Lê Đăng T2 thừa hưởng quyền sử dụng đất của cụ H1 chết để lại, anh Lê Văn K2 không có công sức đóng góp trong thửa đất này. Quyết định sơ thẩm phải xác định tài sản hộ gia đình theo quy định tại Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự, không thể áp dụng Luật Đất đai. Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H, sửa Quyết định sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Xuân T.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết phúc thẩm việc dân sự của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng giải quyết việc dân sự nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ: công sức đóng góp của anh Lê Văn K2 vào khối tài sản chung quyền sử dụng thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28 tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; căn cứ pháp luật mà Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đăng T2 năm 2009; quyền sử dụng thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28 tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang có phải thuộc di sản thừa kế chưa chia hay không. Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐ-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] . Về thủ tục kháng cáo: ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về xác định quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Yêu cầu xác định quyền sở hữu của người có nghĩa vụ thi hành án trong khối tài sản chung” là chưa đúng quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự. Tuy nhiên, việc giải quyết của Tòa án sơ thẩm giải quyết đúng nội dung yêu cầu của đương sự, căn cứ đúng pháp luật cần áp dụng, không làm thay đổi bản chất sự việc nên Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa lại quan hệ pháp luật “Yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án” theo khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[2]. Anh Nguyễn Xuân T yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất của anh Lê Đăng K trong thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28, diện tích 11.202m<sup>2</sup> đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Lê Đăng T2 (gọi tắt là thửa đất số 136).

Theo hồ sơ Công văn số 433/VPĐKĐDD-TTLT ngày 06/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T gửi Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, thửa đất số 136 tương ứng với thửa các thửa đất số 547, 550, 551 theo số sơ 299 (lập năm 1982 – 1985) do ông Lê Đăng H1 đứng tên sổ mục kê ruộng đất. Theo Quyết định số 399/QĐ ngày 01/11/1989, Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang giao 6.385m<sup>2</sup> đất ruộng thuộc thửa đất số 547 cho cụ Lê Đăng H1. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 136 có nguồn gốc của cụ Lê Đăng H1 (chết năm 1996) chuyển quyền cho hộ ông T2.

Theo Công văn số 4718 ngày 09/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang, hộ ông T2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01282QSĐĐ/168/QĐUB ngày 20/3/1998.

Tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy, tuy tại thời điểm nhận chuyển quyền sử dụng đất anh Lê Văn K2, sinh năm 1984 còn nhỏ (khoảng 14 tuổi) nhưng có quan hệ huyết thống với ông Lê Đăng T2, có đăng ký thường trú tại hộ ông Lê Đăng T2, nên được xem như anh Lê Văn K2 là thành viên hộ gia đình sử dụng đất tại thời điểm Nhà nước thừa nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đăng T2. Mặt khác, từ thời điểm năm 1998 (thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đến nay, ông Lê Đăng T2 biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình trong đó có anh Lê Văn K2 nhưng không khiếu nại với Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về việc cấp quyền sử dụng đất cho hộ, xem như mặc nhiên ông thừa nhận anh Lê Văn K2 là thành viên hộ gia đình sử dụng đất.

Từ phân tích nêu trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Xuân T, xác định anh Lê Văn K2 có quyền sử dụng thửa đất số 136 là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần quyền sử dụng đất của anh Lê Văn K2 bằng ngang phần của cụ Nguyễn Thị N1 (vợ cụ Lê Đăng H1) là chưa hợp lý; bởi vì, thửa đất số 136 có nguồn gốc là của cụ Lê Đăng H1, theo quy định của Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì thửa đất số 136 là tài sản chung của cụ Lê Đăng H1 và cụ Nguyễn Thị N1, nên tài sản của cụ Lê Đăng H1 là quyền sử dụng  $\frac{1}{2}$  thửa đất số 136. Như vậy, các thành viên hộ ông Lê Đăng T2 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01282QSĐĐ/168/QĐUB ngày 20/3/1998 là tương ứng phần diện

tích đất của cụ Lê Đăng H1 chết để lại. Do tại thời điểm công nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Lê Đăng T2 có 05 người gồm cụ Nguyễn Thị N1, ông Lê Đăng T2, bà Nguyễn Thị Kim H, anh Lê Văn K2 và Lê Thị Kim T3 nên anh Lê Văn K2 được quyền sử dụng tương ứng tỉ lệ 1/5 quyền sử dụng đất của cụ Lê Đăng H1 (tức tương ứng tỉ lệ 1/10 của thửa đất số 136).

Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đăng T2, Nguyễn Thị Kim H, một phần ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H, sửa một phần quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2023/QĐST-DS ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo hướng như phân tích trên.

[3]. Những phần quyết định khác của quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Căn cứ 2 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ: tài liệu hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 (lập năm 1982–1985) thể hiện cụ Lê Đăng H1 đứng tên kê khai, đăng ký quyền sử dụng các thửa đất; Quyết định của Ủy ban nhân dân xã L giao đất ruộng cho cụ Lê Đăng H1 năm 1989; xác minh, thu thập ý kiến của những người thừa kế tài sản của cụ Lê Đăng H1 và cụ Nguyễn Thị N1. Từ đó có căn cứ xác định như nhận định trên của Hội đồng xét phúc thẩm. Do vậy, việc hủy quyết định sơ thẩm, giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm là không cần thiết. Hội đồng xét phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đăng T2, bà Nguyễn Thị Kim H.

- Sửa quyết định số 01/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 102, Điều 212, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 108 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 20 Luật Đất đai năm 1993; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Xuân T.

Xác định anh Lê Văn K2 là người có quyền sử dụng 1/10 trong tổng diện tích đất 11.201m<sup>2</sup>, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28, đất tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00616 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H ngày 04/12/2009.

Về lệ phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu lệ phí phúc thẩm.

Trả lại cho ông Lê Đăng T2 và bà Nguyễn Thị Kim H 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0025870 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Những phần quyết định khác của quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày công bố.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Lê Huy**